

TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ
TỔ: ANH VĂN

TIẾNG ANH 7
NỘI DUNG BÀI HỌC
📖 📖 📖 📖 📖

• Tuần 9: 01/11 - 05/11/2021

TOPIC 4: SCHOOL AND LEISURE (CONT.)

UNIT 5

PART A: IN CLASS

+ VOCABULARY:

- learn about: học về ...
- Computer Science: môn Tin Học
- interested in...: quan tâm đến... / thích...
- last lesson: giờ học cuối
- experiment (n): cuộc thí nghiệm
- Electronics: môn Điện
- repair = fix (v): sửa chữa
- household appliance: thiết bị gia dụng
- good at...: giỏi về
- famous (a): nổi tiếng
- essay (b): bài tập làm văn
- past # present (a): quá khứ # hiện tại
- event (n): sự kiện

+ GRAMMAR: be interested in ...

S + am / is / are interested in + V-ing... / Noun.

→ S + { like(s)
love(s)
enjoy(s) } + V-ing... / Noun.

Ex: + Ba is *interested in* fixing things. → Ba enjoys fixing things.
+ She is *interested in* Music. → She enjoys Music.

PHIẾU HỌC TẬP

• Tuần 9: 01/11 - 05/11/2021

TOPIC 4: SCHOOL AND LEISURE (CONT.)

UNIT 5

PART A: IN CLASS

I. Chọn từ đúng

1. He is a student _____ Le Loi school. (at / in / on)
2. Mai learns _____ to use a computer. (what / when / how)
3. We are _____ some experiments. (making / learning / doing)
4. All the students enjoy _____ on the weekend. (to camp / camping / camp)
5. My brother is good _____ English. (at / in / with)
6. We go to school six days _____. (a week / in a week / on a week)
7. They are very interested _____ Literature. (on / at / in)
8. We study about different countries in _____ class. (literature / geography / history)
9. In Science class students do some _____. (examples / exercises / experiments)
10. Ba learns to repair household appliances in _____ class. (physics / electronics / biology)
11. In language class, students study _____. (physics / English / geography)
12. In _____, They learn how things work. (Maths / Chemistry / Physics)
13. In _____, we study past and present events in Vietnam and around the world.
(geography / history / literature)
14. We write essays in _____ class. (geography / history / literature)

II. Điền vào chỗ trống với từ cho sẵn

Finish – last – Classes – at – interested – Computer Science – week – grade

Mai is a student (1) _____ Quang Trung School. She is in (2) _____ 7A. She goes to school six days a (3) _____, from Monday to Saturday. (4) _____ always begin at seven o'clock and (5) _____ at a quarter past seven. Today, Mai has four classes: English, Geography, Computer Science and Physics. Mai is (6) _____ in computer, so her favorite subject is (7) _____. She thinks Geography is difficult and so is English. Mai's (8) _____ lesson is Physics. In Physics, she does some experiments.

III. Chuyển câu: be interested in...

1. Nga is interested in English.
Nga enjoys _____.
2. They enjoy doing the experiments in Physics.
They are _____.
3. I am interested in skipping rope at recess.
I like _____.
4. Is he interested in Computer Science class?
Does he _____?

• **Tuần 10: 08/11 - 12/11/2021**

TOPIC 4: SCHOOL AND LEISURE (CONT.)

UNIT 5

PART B: IT'S TIME FOR RECESS

+ VOCABULARY:

- recess (n): giờ ra chơi
- ring (v): rung, reo
- excited (a): hào hứng
- chat (v): tán gẫu
- blindman's bluff or catch: bịt mắt đuổi bắt
- play marbles: chơi bắn bi
- skip rope: chơi nhảy dây
- until: cho đến khi
- go indoors: đi vào bên trong
- pen pal: bạn qua thư
- junior high school: trường trung học cơ sở
- the same ... as: cùng...
- take part in: tham gia vào
- energetic (a): năng động
- score goal: ghi bàn
- portable (a): có thể mang theo
- mainly: đa số
- swap (v): trao đổi
- packet of candy: gói kẹo nhỏ
- common (a): thông thường

+ GRAMMAR:

Một số V-ing trong bài học:

- | | |
|------------|------------|
| - talking | - playing |
| - eating | - skipping |
| - drinking | - scoring |
| - chatting | - shooting |

PHIẾU HỌC TẬP

• Tuần 10: 08/11 - 12/11/2021

TOPIC 4: SCHOOL AND LEISURE (CONT.)

UNIT 5

PART B: IT'S TIME FOR RECESS

I. Chọn từ đúng

1. Students are talking and playing excitedly during _____. (class / recess / lesson)
2. Some students have portable CD players with small _____. (headphones / cell phones / earphones)
3. Blindman's buff is a _____. (exercise / game / example)
4. The yard is very _____ during recess. (quiet / noisy / calm)
5. Students never have time to play the whole game because recess is _____. (short / long / energetic)
6. Eating and talking with friends are the _____ ways of relaxing. (more common / much common / most common)
7. Some students listen _____ music at recess. (for / to / with)
8. The girls are playing _____ at recess. (skipping / marbles / chatting)
9. American students take part _____ different activities at recess. (on / at / in)
10. They are eating and drinking as _____ as chatting. (good / better / well)

II. Sắp câu

1. enjoys / Nam / and novels / reading / his free time. / comics / in /

.....

2. classical music. / am / I / interested in / to / listening /

.....

3. learns / the guitar / In his free time, / to play / Ba /

.....

4. is / Talking / activity / at recess. / the most popular /

.....

5. at recess. / different activities / take part / American students / in /

.....

III. Đọc đoạn văn và viết True / False

At twenty-five past nine, the bell rings and all the students go into the yard. It's time for recess. They are all happy and excited. They meet their friends and have some fun. Many are talking about the last class, or last night's movie. Some are eating and drinking as well as chatting. Some students are playing games like blindman's bluff or catch. Some boys are playing marbles and some girls are skipping rope. But the most popular activity is talking. The yard is very noisy until the bell rings. Then everyone goes indoors and classes begin again.

1. The bell rings at nine twenty-five. _____
2. The students are very happy and excited at recess. _____
3. The boys enjoy skipping rope. _____
4. Eating is the most popular activity. _____

PHIẾU HỖ TRỢ HỌC SINH TỰ HỌC TẠI NHÀ

TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ Q4

HỌ TÊN HS : _____

LỚP : _____

MÔN ANH	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI HS